

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/DS – ST

Ngày: 22/9/2025

Về việc “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.
2. Bà Phạm Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2025/TLST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92b/2025/QĐXXST – DS ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (Số CCCD: 083081002156) (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Ông Văn Đức H, sinh năm 1993 (Số CCCD: 083093013303) (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Nguyên vào ngày 05/6/2025, ông T có cho ông Văn Đức H vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng. Hai bên có ký hợp đồng vay tài sản được Văn phòng C, tỉnh Bến Tre chứng nhận số 659, quyền số 02/2025TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn trả tiền vay là 03 ngày kể từ ngày 05/6/2025, với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận

là 1,66% một tháng. Ông T đã giao tiền cho ông H và ông H cam kết đã nhận đủ số tiền nêu trên bằng tiền mặt. Sau khi ông H nhận tiền đã đem tiền đi trả nợ Ngân hàng. Thế nhưng khi nhận được tiền giải ngân từ Ngân hàng ông H không đem tiền trả lại ông T như đã thỏa thuận và cũng không báo cho ông T biết, cho đến khi ông T liên hệ với Ngân hàng thì mới được biết Ngân hàng đã giải ngân cho ông H vào sáng ngày 06/6/2025. Nhận được tin báo từ Ngân hàng ông T có gọi cho ông H thì ông H hứa trong vòng một tháng sẽ thanh toán đủ tiền gốc và lãi cho ông T nhưng ông T không đồng ý. Sau đó ông H hứa trong thời hạn 07 ngày sẽ thanh toán tiền gốc và lãi cho ông T nhưng ông T nhận thấy ông H không giữ đúng lời hứa nên ông T không đồng ý. Do đó, nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Văn Đức H phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc là: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 09/6/2025 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 1,66% một tháng.

Bị đơn ông Văn Đức H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Văn Đức H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là văn bản có tiêu đề “Hợp đồng vay tài sản” đề ngày 05/6/2025 được công chứng tại Văn phòng C thể hiện nội dung như sau: “Bên A (ông Nguyễn Văn T) đồng ý cho bên B (ông Văn Đức H) vay tài sản là số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng Việt Nam), kỳ hạn vay là 03 (ba) ngày kể từ ngày 05/6/2025, lãi suất vay là do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức quy định Nhà nước; Bên B (ký và ghi rõ họ tên) Tôi đã nhận đủ 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng)”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là ông Văn Đức H, tuy nhiên ông H vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông H đối với yêu cầu của nguyên đơn ông T, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn ông T đưa ra.

[3] Vì vậy, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định ông H đã vay tiền của ông T số tiền vay theo văn bản có tiêu đề “Hợp đồng vay tài sản” đề ngày 05/6/2025 được công chứng tại Văn phòng C với số tiền là 900.000.000 đồng. Xét thấy, bản thân ông H là bên vay đã tham gia giao dịch về

vay tiền với ông T nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông H phải hoàn trả cho ông T số tiền vay là 900.000.000 đồng vốn gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của ông T trên số tiền là 900.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) tính từ ngày 09/6/2025 (ngày bị đơn ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ) cho đến ngày Tòa án xét xử (ngày 22/9/2025). Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu này của ông T là có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: có căn cứ xác định từ sau ngày 09/6/2025 cho đến nay (ngày 22/9/2025) ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho ông T. Vì vậy, buộc ông H phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo yêu cầu của nguyên đơn số tiền lãi được tính cụ thể như sau: $(900.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} 13 \text{ ngày}) = 51.294.000 \text{ đồng}$. Vì vậy, tổng cộng số tiền mà ông H phải hoàn trả cho ông T là: 900.000.000 đồng vốn gốc cộng với 51.294.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 951.294.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc ông H phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được Tòa án chấp nhận, án phí ông H phải chịu là: 40.539.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Văn Đức H phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay là 900.000.000 đồng vốn gốc cộng với 51.294.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 951.294.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi một triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Văn Đức H phải chịu án phí là 40.539.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.530.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011572 ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Vĩnh Long).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD, KT, TT và THA
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt